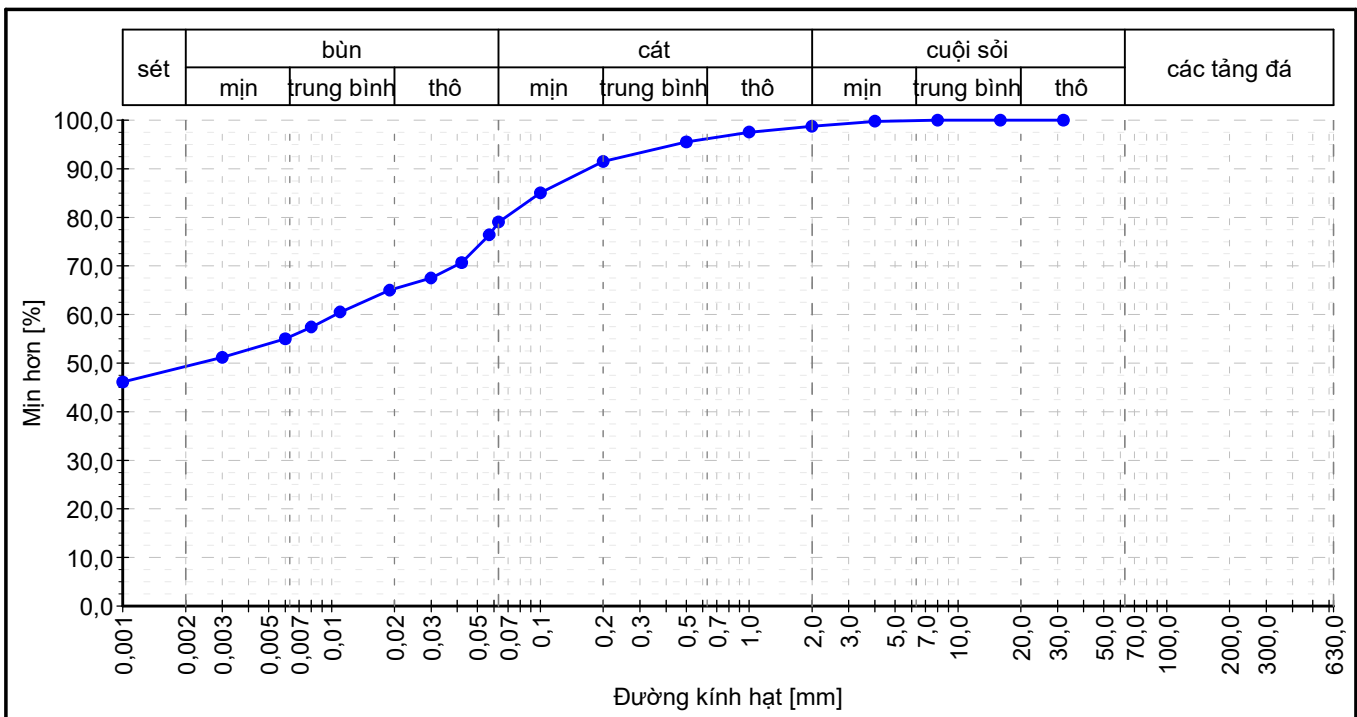


	Kiểm tra xác định kích thước hạt	
	Dự án: Apartment building "Moonlighting" - Survey for building permit	
Tên thí nghiệm: Particle size determination		Mã số dự án: 2022/3548
Nhà cung cấp: GEO5 Laboratory Ltd.		Khách hàng: Survey ABC Ltd.
Ngày đo: 02.08.2022		Được thực hiện bởi: John Young

Mẫu	
Thí nghiệm hiện trường: BH5	Loại mẫu đất: nguyên dạng
Số hiệu mẫu: VA1/1254	Loại địa kỹ thuật: GT2
Độ sâu từ: 7,00 m	Mô tả: Clay with low plasticity, stiff, gray-blue color
Độ sâu tới: 7,80 m	

Mẫu thí nghiệm	
Đánh dấu mẫu thí nghiệm: VA1/1254-1	Độ sâu: 7,40 m

Các giá trị đo được và kết quả

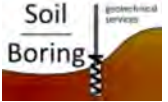


Nội dung thành phần:	Tổng trọng lượng: 50,00 g
Sét: 48,7 %	Trọng lượng kiểm tra: 49,99 g
Bùn: 30,4 %	Kiểm tra giới hạn: 0,3 %
Cát: 19,7 %	Kiểm tra: 0,0 %
Cuội sỏi: 1,2 %	Kết quả: Thỏa mãn
Đá: 0,0 %	

Hệ số đồng nhất :	Hệ số cong :
-------------------	--------------

Lớp đất:	CI (EN ISO 14688-2 (2018))
----------	----------------------------

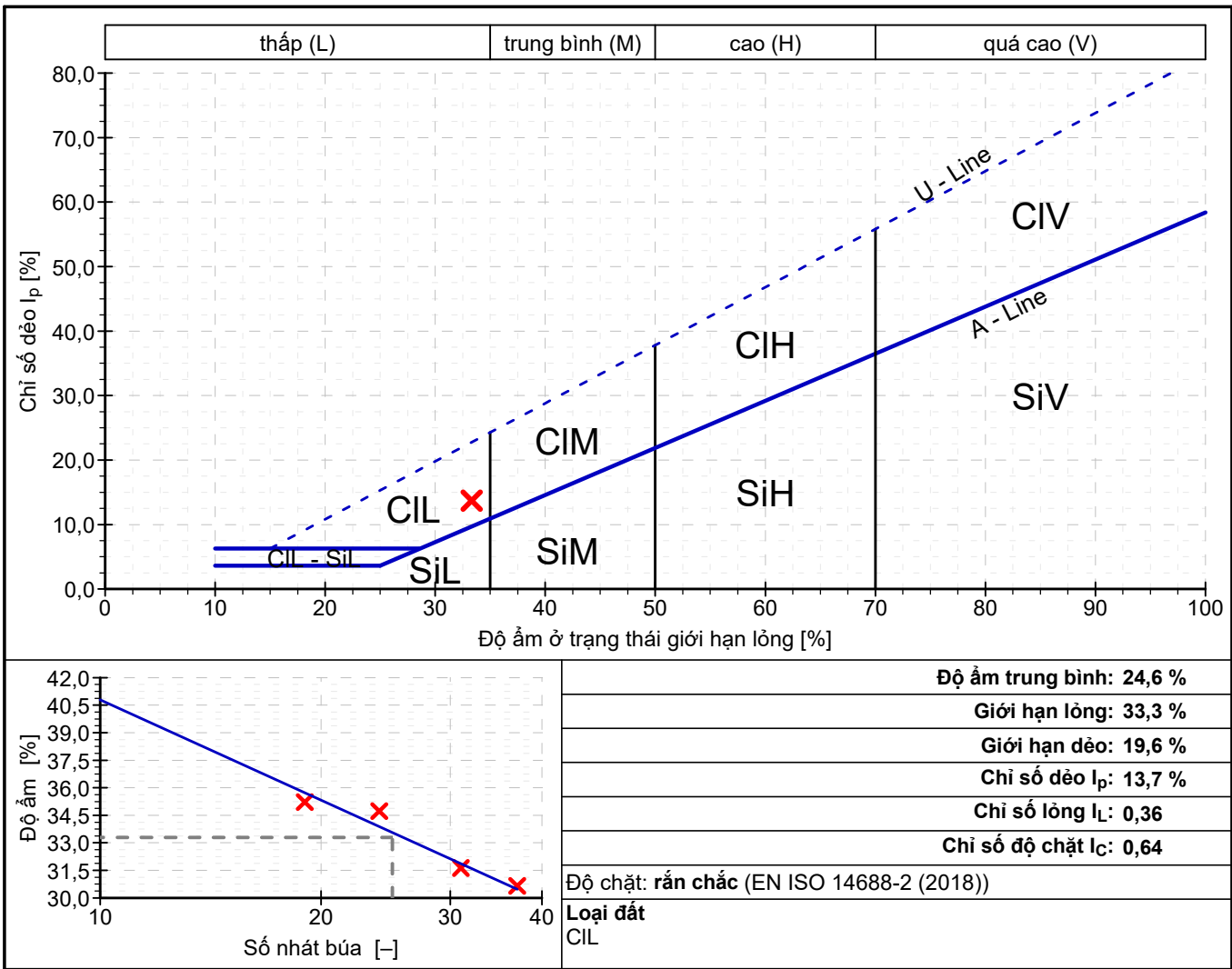
Ghi chú Specimen supplied by customer. Combined test (sieve analysis + hydrometer test). The sample was prepared and tested in accordance with EN ISO 17892-04.	
Thẩm tra bởi: Peter Filmer	Ngày thực hiện: 18.08.2022
Con dấu và chữ ký	

	Giới hạn Atterberg	
	Dự án: Apartment building "Moonlighting" - Survey for building permit	
Tên thí nghiệm: Consistency		Mã số dự án: 2022/3548
Nhà cung cấp: GEO5 Laboratory Ltd.		Khách hàng: Survey ABC Ltd.
Ngày đo: 17.05.2023		Được thực hiện bởi: John Young

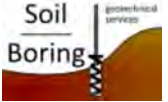
Mẫu	
Thí nghiệm hiện trường: BH5	Loại mẫu đất: nguyên dạng
Số hiệu mẫu: VA1/1254	Loại địa kỹ thuật: GT2
Độ sâu từ: 7,00 m	Mô tả: Clay with low plasticity, stiff, gray-blue color
Độ sâu tới: 7,80 m	

Mẫu thí nghiệm	
Đánh dấu mẫu thí nghiệm: V1A/1254-3	Độ sâu: 7,20 m

Các giá trị đo được và kết quả



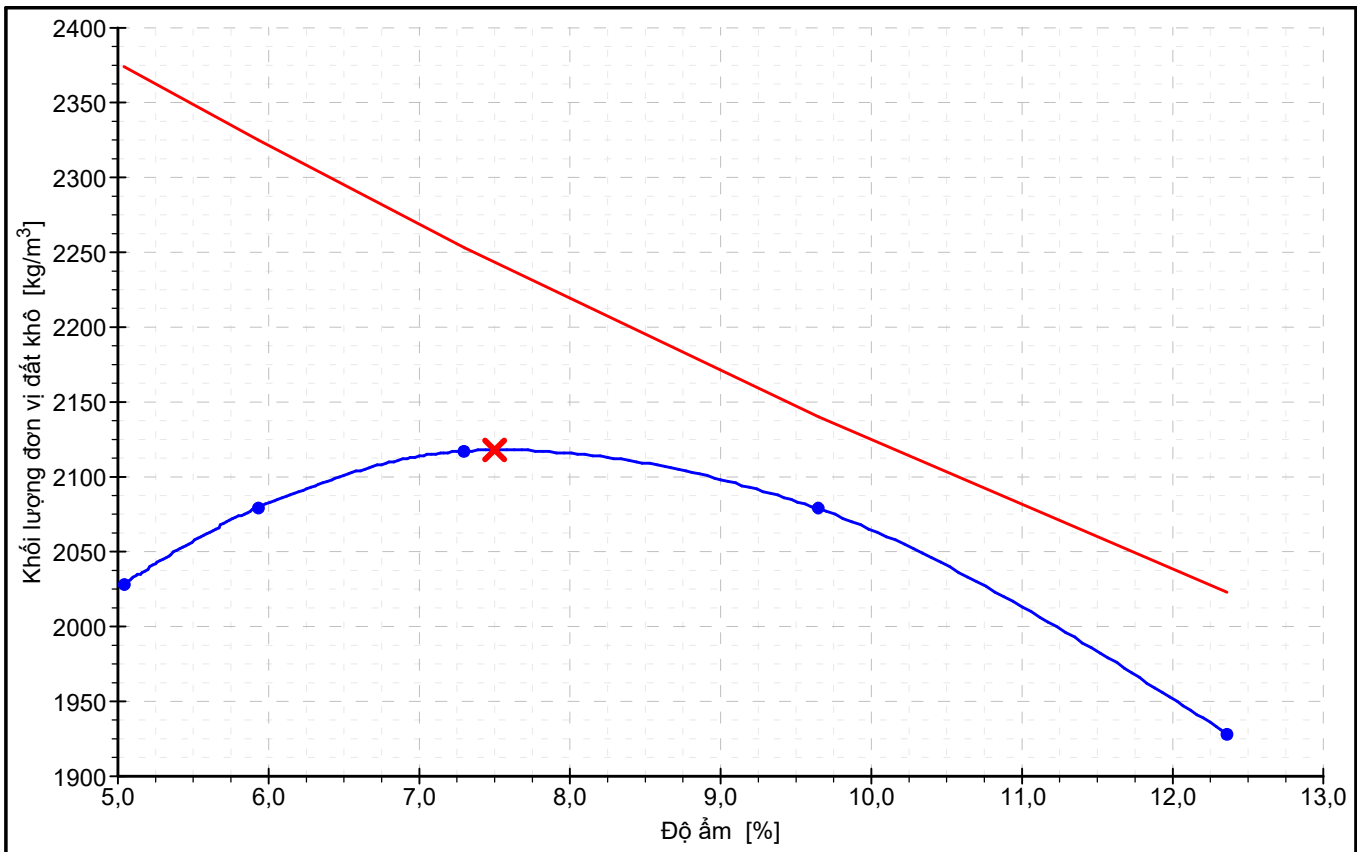
Ghi chú Specimen supplied by customer. Test method: Casagrande. Test performed in accordance with EN ISO 17892-12.		Con dấu và chữ ký
Thẩm tra bởi: Peter Filmer	Ngày thực hiện: 22.05.2023	

	Thí nghiệm nén đất (Proctor sửa đổi)	
	Dự án: Apartment building "Moonlighting" - Survey for building permit	
Tên thí nghiệm: Compaction		Mã số dự án: 2022/3548
Nhà cung cấp: GEO5 Laboratory Ltd.		Khách hàng: Survey ABC Ltd.
Ngày đo: 12.09.2023		Được thực hiện bởi: John Young

Mẫu	
Thí nghiệm hiện trường: BH7	Loại mẫu đất: không nguyên dạng
Số hiệu mẫu: VA4/A2	Loại địa kỹ thuật: GT3
Độ sâu từ: 9,00 m	Mô tả: Sandy clay with low plasticity. Grey-brown color.
Độ sâu tới: 9,90 m	

Mẫu thí nghiệm:	
Đánh dấu mẫu thí nghiệm: VA4/A2-4	Mật độ hạt: 2697,0 kg/m ³
Độ sâu: 9,30 m	

Các giá trị đo được và kết quả	
Loại thí nghiệm: sửa đổi	Loại đầu nén: B
	Loại khuôn: B



Khối lượng đơn vị đất khô tối đa được tính toán: 2118 kg/m ³
Độ ẩm được tính toán tối ưu: 7,5 %

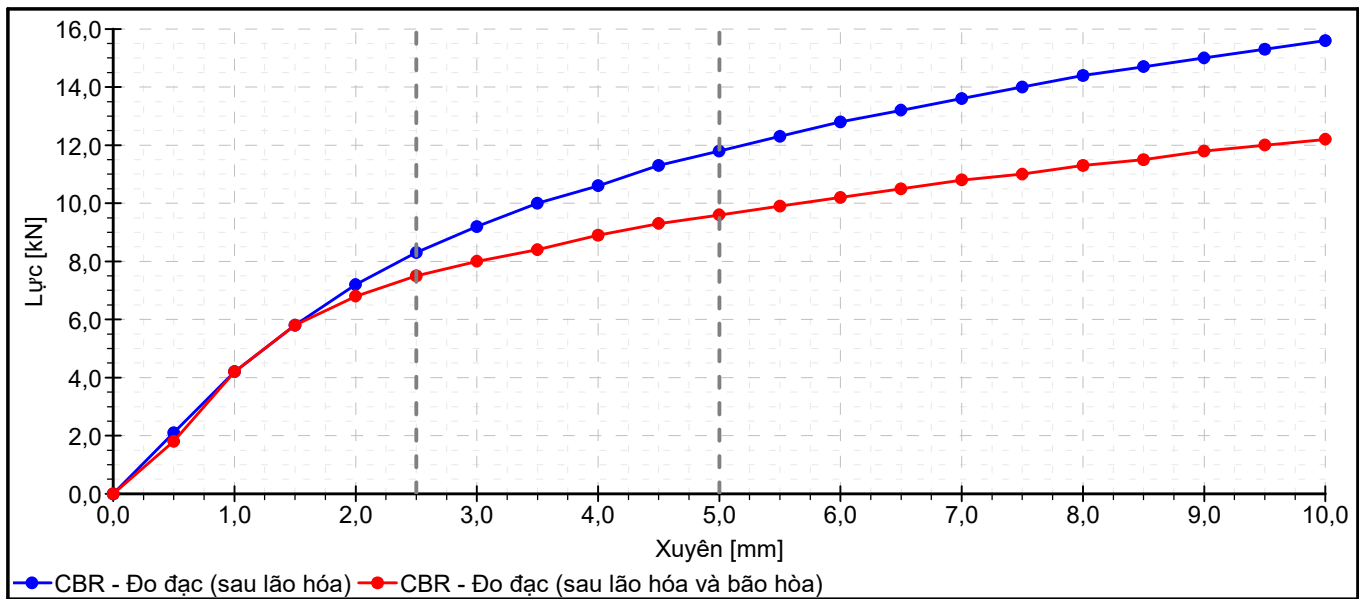
Ghi chú The test was carried out on a specimen supplied by the customer. Specimen prepared and tested in accordance with EN 13286-2 (6.4). Particle density determined by measurement according to EN ISO 17892-03.	
Thẩm tra bởi: Peter Filmer	Ngày thực hiện: 15.09.2023
Con dấu và chữ ký	

	California Bearing Ratio (CBR)	
	Dự án: Apartment building "Moonlighting" - Survey for building permit	
Tên thí nghiệm: CBR		Mã số dự án: 2022/3548
Nhà cung cấp: GEO5 Laboratory Ltd.		Khách hàng: Survey ABC Ltd.
Ngày đo: 07.09.2022		Được thực hiện bởi: John Young

Mẫu	
Thí nghiệm hiện trường: BH4	Loại mẫu đất: không nguyên dạng
Số hiệu mẫu: PV2/B4	Loại địa kỹ thuật: GT4
Độ sâu từ: 10,20 m	Mô tả: Well-grained sand. Yellow-brown color. Aged.
Độ sâu tới: 10,80 m	

Mẫu thí nghiệm	
Đánh dấu mẫu thí nghiệm: PV2/B4-5	Phụ gia: 2% Dorosol 50
Độ sâu: 10,60 m	Điều kiện lão hóa: stored in an impermeable package
Chiều cao: 120,12 mm	Thời gian lão hóa của mẫu: 3 ngày
Đường kính: 150,65 mm	Thời gian bảo hòa: 96 giờ
Trạng thái ban đầu	Trạng thái sau bảo hòa
Độ ẩm: 12,9 %	Độ ẩm: 15,5 %
Mật độ ướt: 2053,0 kg/m ³	Mật độ ướt: 2101,0 kg/m ³
Khối lượng đơn vị khô: 1819,0 kg/m ³	Khối lượng đơn vị khô: 1819,0 kg/m ³
Bão hòa: 72,0 %	Bão hòa: 86,0 %

Các giá trị đo được và kết quả



Trạng thái sau khi lão hóa	Trạng thái sau bão hòa
CBR _{2,5mm} : 62,9 %	CBR _{2,5mm} : 56,8 %
CBR _{5mm} : 59,0 %	CBR _{5mm} : 48,0 %
CBR: 62,9 %	CBR: 56,8 %

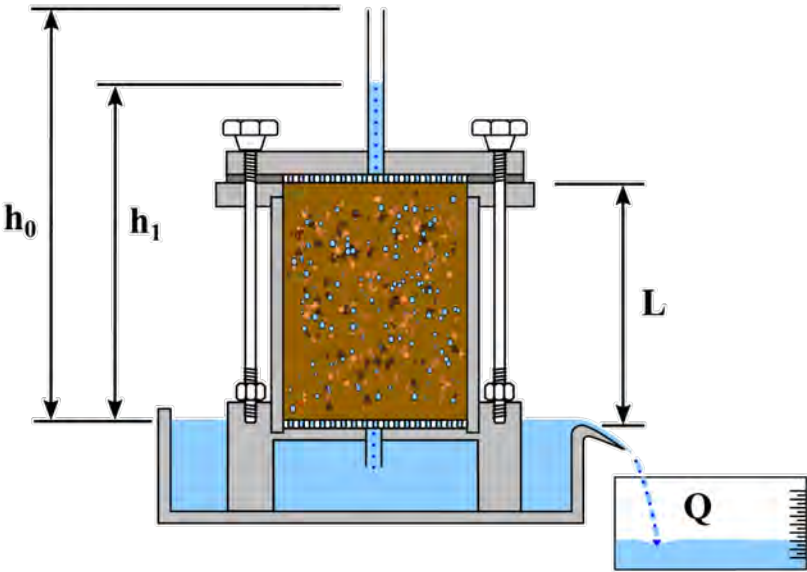
Ghi chú Specimen preparation: specimen compacted with 100% PS energy after addition of additive. Compaction of the specimen according to EN 13286-2. Particle density = 2700 kg/m ³ (estimate). Swelling considered relative to the original height of the specimen. Test performed in accordance with EN 13286-47.	
Thẩm tra bởi: Peter Filmer	Ngày thực hiện: 16.09.2022
Con dấu và chữ ký	

	Thí nghiệm độ thấm	
	Dự án: Apartment building "Moonlighting" - Survey for building permit	
Tên thí nghiệm: Permeability falling head		Mã số dự án: 2022/3548
Nhà cung cấp: GEO5 Laboratory Ltd.		Khách hàng: Survey ABC Ltd.
Ngày đo: 04.05.2023		Được thực hiện bởi: John Young

Mẫu	
Thí nghiệm hiện trường: BH5	Loại mẫu đất: nguyên dạng
Số hiệu mẫu: VA1/1254	Loại địa kỹ thuật: GT2
Độ sâu từ: 7,00 m	Mô tả: Clay with low plasticity, stiff, gray-blue color
Độ sâu tới: 7,80 m	

Mẫu thí nghiệm	
Đánh dấu mẫu thí nghiệm: VA1/1254-6	Độ sâu: 7,60 m
Chiều dài mẫu: 115,00 mm	Độ ẩm: 24,70 %
Đường kính mẫu: 100,00 mm	Tỷ trọng: 1817,0 kg/m ³
Diện tích mẫu: 7853,98 mm ²	Khối lượng đơn vị khô: 1457,0 kg/m ³

Giá trị đo được	
Loại thí nghiệm: Đầu thay đổi	

	Đo Số	Độ thấm [m/s]
	1A	2,28E-06
	1B	1,37E-06
	1C	1,08E-06

Kết quả	
Độ thấm trung bình: 1,58E-06 m/s	

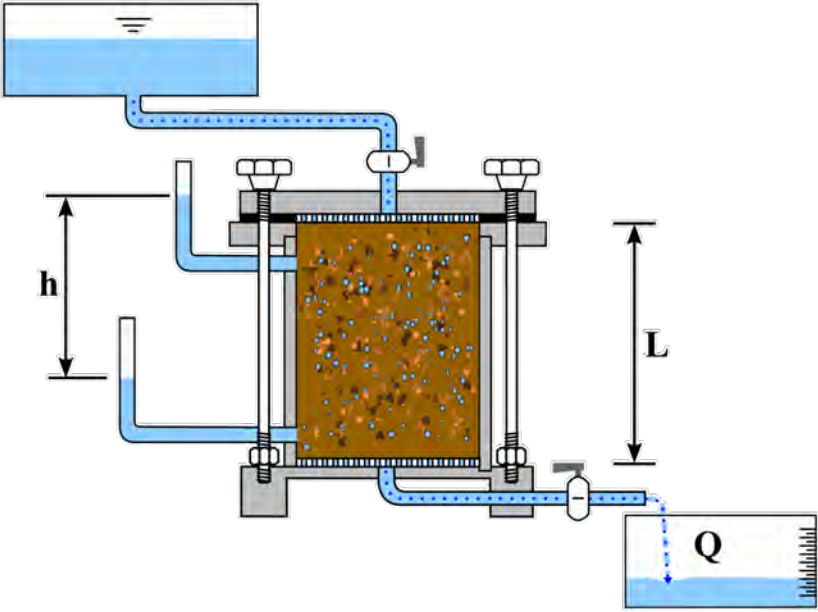
Ghi chú	
Specimen supplied by customer. Test performed in accordance with EN ISO 17892-11.	
Thẩm tra bởi: Peter Filmer	Ngày thực hiện: 17.05.2023
Con dấu và chữ ký	

	Thí nghiệm độ thấm	
	Dự án: Apartment building "Moonlighting" - Survey for building permit	
Tên thí nghiệm: Permeability constant head		Mã số dự án: 2022/3548
Nhà cung cấp: GEO5 Laboratory Ltd.		Khách hàng: Survey ABC Ltd.
Ngày đo: 04.05.2023		Được thực hiện bởi: John Young

Mẫu	
Thí nghiệm hiện trường: BH7	Loại mẫu đất: không nguyên dạng
Số hiệu mẫu: VA4/A2	Loại địa kỹ thuật: GT3
Độ sâu từ: 9,00 m	Mô tả: Sandy clay with low plasticity. Grey-brown color.
Độ sâu tới: 9,90 m	

Mẫu thí nghiệm	
Đánh dấu mẫu thí nghiệm: VA4/A2-2	Độ sâu: 7,15 m
Chiều dài mẫu: 75,00 mm	Độ ẩm: 22,52 %
Đường kính mẫu: 75,00 mm	Tỷ trọng: 1852,5 kg/m ³
Diện tích mẫu: 4417,86 mm ²	Khối lượng đơn vị khô: 1512,0 kg/m ³

Giá trị đo được	
Loại thí nghiệm: Đầu không đổi	

	Đo Số	Độ thấm [m/s]
	1A	4,38E-04
	2A	4,78E-04
	1B	4,32E-04
	2B	4,63E-04

Kết quả	
Độ thấm trung bình: 4,53E-04 m/s	

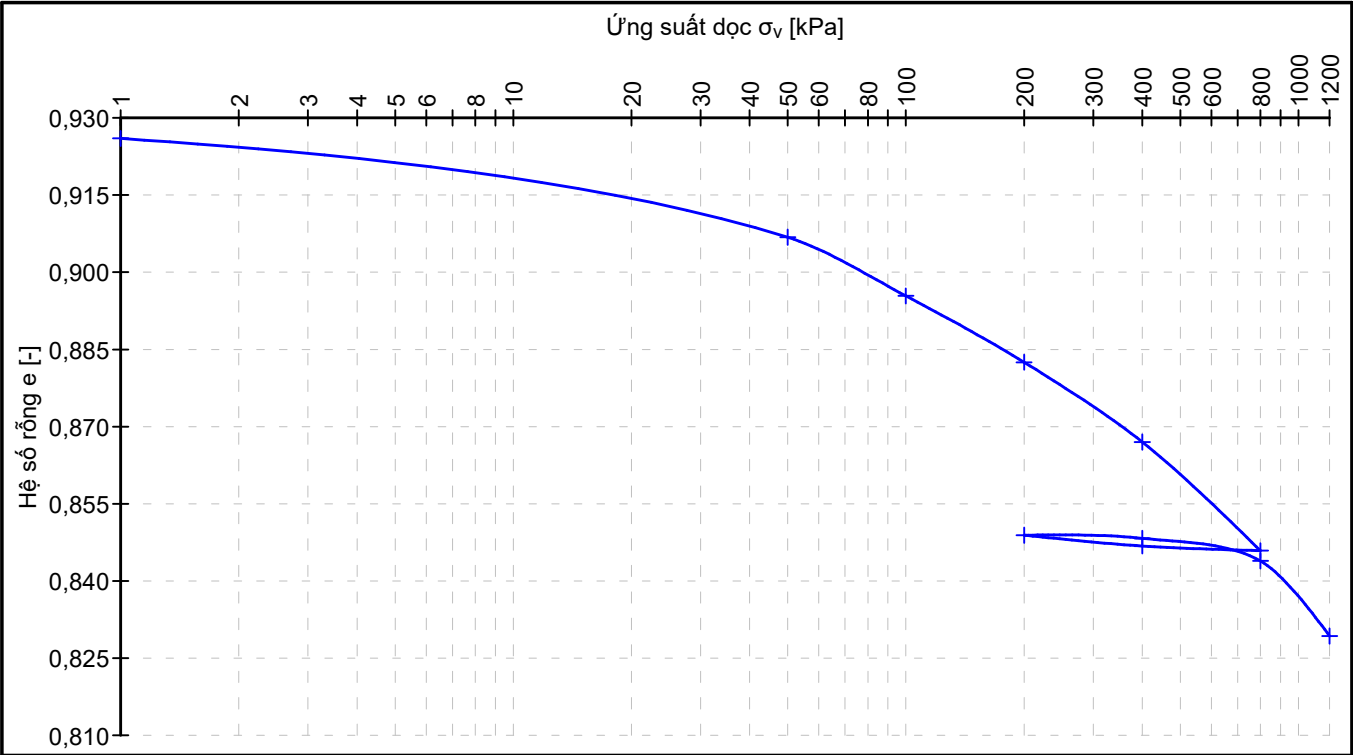
Ghi chú Specimen supplied by customer. Test performed in accordance with EN ISO 17892-11.	
Thẩm tra bởi: Peter Filmer	Ngày thực hiện: 17.05.2023
Con dấu và chữ ký	

	Thí nghiệm nén cố kết	
	Dự án: Apartment building "Moonlighting" - Survey for building permit	
Tên thí nghiệm: Oedometer		Mã số dự án: 2022/3548
Nhà cung cấp: GEO5 Laboratory Ltd.		Khách hàng: Survey ABC Ltd.
Ngày đo: 04.04.2023		Được thực hiện bởi: John Young

Mẫu	
Thí nghiệm hiện trường: BH4	Loại mẫu đất: không nguyên dạng
Số hiệu mẫu: PV2/B4	Loại địa kỹ thuật: GT4
Độ sâu từ: 10,20 m	Mô tả: Well-grained sand. Yellow-brown color. Aged.
Độ sâu tới: 10,80 m	

Mẫu thí nghiệm		
Đánh dấu mẫu thí nghiệm: PV2/B4-1A	Độ sâu: 10,35 m	
	Trước thí nghiệm	Sau thí nghiệm
Chiều cao [mm]	30,00	28,49
Đường kính [mm]	120,00	
Mật độ hạt [kg/m ³]	2645,0	
Hệ số rỗng [-]	0,926	0,829

Naměřené hodnoty a výsledky



Bước tải	Úng suất dọc σ_v [kPa]	Biến dạng dọc ϵ_v [%]	Hệ số rỗng e [-]	Mô đun đo nén E_{oed} [MPa]	Hệ số nén thể tích m_v [1/MPa]	Chỉ số nén C_c [-]	Chỉ số nén C_r [-]
NaN - 0	0,000	0,000	0,926				
0 - 50	50,000	0,997	0,907	5,02	0,1992	0,002	
50 - 100	100,000	1,590	0,895	8,43	0,1186	0,040	
100 - 200	200,000	2,257	0,883	14,99	0,0667	0,040	
200 - 400	400,000	3,063	0,867	24,81	0,0403	0,053	
400 - 800	800,000	4,157	0,846	36,56	0,0274	0,070	
800 - 400	400,000	4,113	0,847				0,003
400 - 200	200,000	4,003	0,849				0,007
200 - 400	400,000	4,033	0,848				0,003

Bước tải	Ứng suất dọc σ_v [kPa]	Biến dạng dọc ϵ_v [%]	Hệ số rỗng e [-]	Mô đun đo nén E_{oed} [MPa]	Hệ số nén thể tích m_v [1/MPa]	Chỉ số nén C_c [-]	Chỉ số nén C_r [-]
400 - 800	800,000	4,263	0,844				0,013
800 - 1200	1200,000	5,020	0,829	52,84	0,0189	0,085	

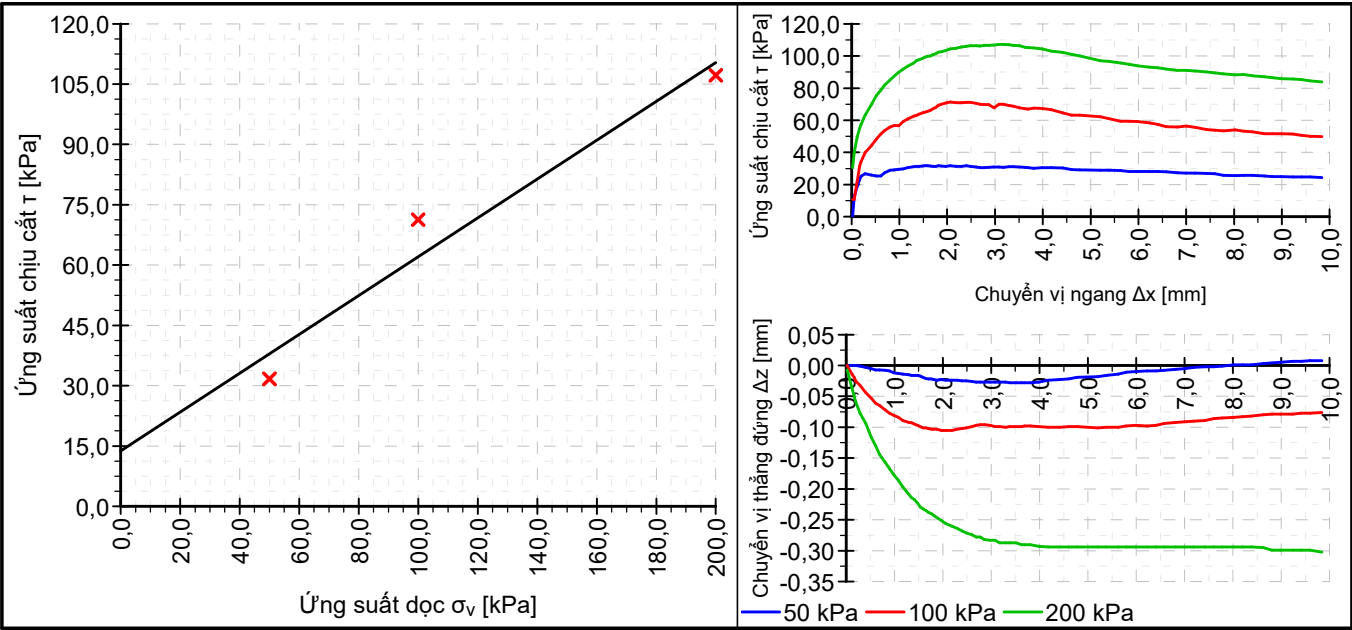
Ghi chú Specimen supplied by customer. Test performed in accordance with EN ISO 17892-05.		
Thẩm tra bởi: Peter Filmer	Ngày thực hiện: 21.04.2023	
		Razítko a podpis

	Thí nghiệm cắt kiểu hộp	
	Dự án: Apartment building "Moonlighting" - Survey for building permit	
Tên thí nghiệm: Shear box test		Mã số dự án: 2022/3548
Nhà cung cấp: GEO5 Laboratory Ltd.		Khách hàng: Survey ABC Ltd.
Ngày đo: 27.03.2023		Được thực hiện bởi: John Young

Mẫu	
Thí nghiệm hiện trường: BH5	Loại mẫu đất: nguyên dạng
Số hiệu mẫu: VA1/1254	Loại địa kỹ thuật: GT2
Độ sâu từ: 7,00 m	Mô tả: Clay with low plasticity, stiff, gray-blue color
Độ sâu tới: 7,80 m	

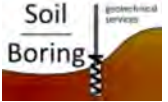
Mẫu thí nghiệm				
Đánh dấu mẫu thí nghiệm: VA1/1254-12		Thời gian cố kết: 24,0 giờ		
Độ sâu: 7,35 m		Tốc độ cắt: 0,001 mm/tối thiểu		
	Trước thí nghiệm	Mẫu số 1	Mẫu số 2	Mẫu số 3
Kích thước (chiều rộng/chiều cao) [mm]	-	60,00 / 21,00	60,00 / 21,00	60,00 / 21,00
Độ ẩm [%]	22,45	24,40	24,30	22,10
Sự cố kết (trước thí nghiệm) [mm]	-	0,210	0,550	1,170
Ứng suất dọc [kPa]	-	50	100	200
Ứng suất cắt tối đa [kPa]	-	31,7	71,3	107,2
Mật độ ướt [kg/m ³]	1802,0	1848,0	1921,0	1967,0
Khối lượng đơn vị khô [kg/m ³]	1472,2	1485,5	1545,4	1610,9
Chuyển vị khi phá hoại [mm]	-	1,530	2,061	3,080

Các giá trị đo được và kết quả



Đánh giá thí nghiệm:	Góc ma sát trong ϕ_{ef} [°]	Dính kết c_{ef} [kPa]
Giá trị định:	25,8	13,8

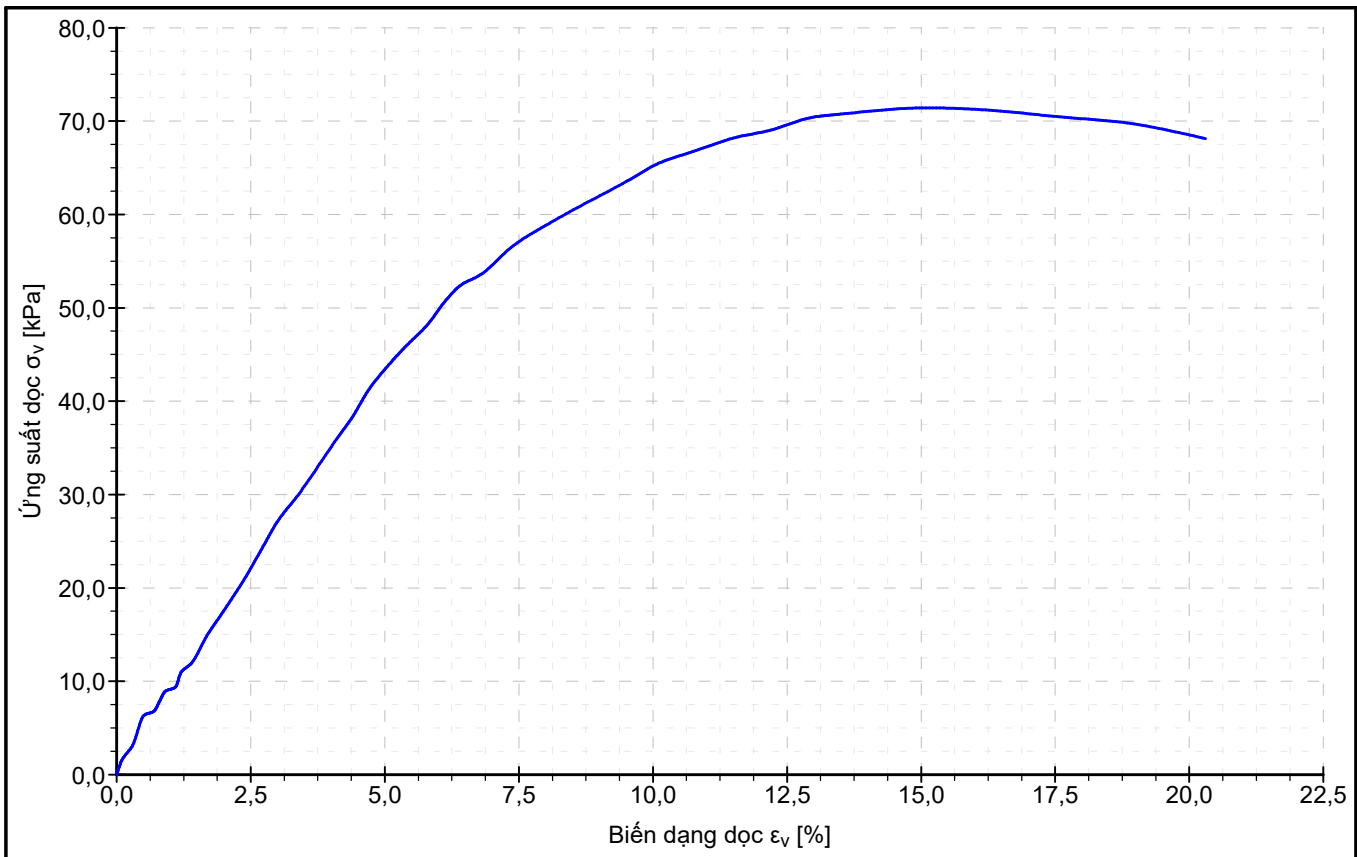
Ghi chú Specimens were flooded with water during the test. Moisture content indicated for the test specimens is after the end of the test (moisture content determined according to EN ISO 17892-01). Specimen supplied by the customer, test results refer to the sample as received. Test equipment: hydraulic shear device. Test performed in accordance with EN ISO 17892-10.	
Thẩm tra bởi: Peter Filmer	Ngày thực hiện: 28.03.2023
Con dấu và chữ ký	

	Thí nghiệm nén một trục (đất)	
	Dự án: Apartment building "Moonlighting" - Survey for building permit	
Tên thí nghiệm: 1D compression (soil)		Mã số dự án: 2022/3548
Nhà cung cấp: GEO5 Laboratory Ltd.		Khách hàng: Survey ABC Ltd.
Ngày đo: 14.09.2022		Được thực hiện bởi: John Young

Mẫu	
Thí nghiệm hiện trường: BH5	Loại mẫu đất: nguyên dạng
Số hiệu mẫu: VA1/1254	Loại địa kỹ thuật: GT2
Độ sâu từ: 7,00 m	Mô tả: Clay with low plasticity, stiff, gray-blue color
Độ sâu tới: 7,80 m	

Mẫu thí nghiệm	
Đánh dấu mẫu thí nghiệm: VA1/1254-1	Trọng lượng: 336,54 g
Độ sâu: 7,10 m	Độ ẩm: 22,40 %
Chiều cao: 98,54 mm	Tỷ số H/D : 2,0
Đường kính: 49,12 mm	Tỷ trọng riêng: 18,02 kN/m ³

Các giá trị đo được và kết quả



Cường độ chịu nén: 71,4 kPa	Khi biến dạng: 14,9 %
Sức kháng cắt không thoát nước: 35,7 kPa	Tốc độ ứng suất: 0,950 mm/tối thiểu

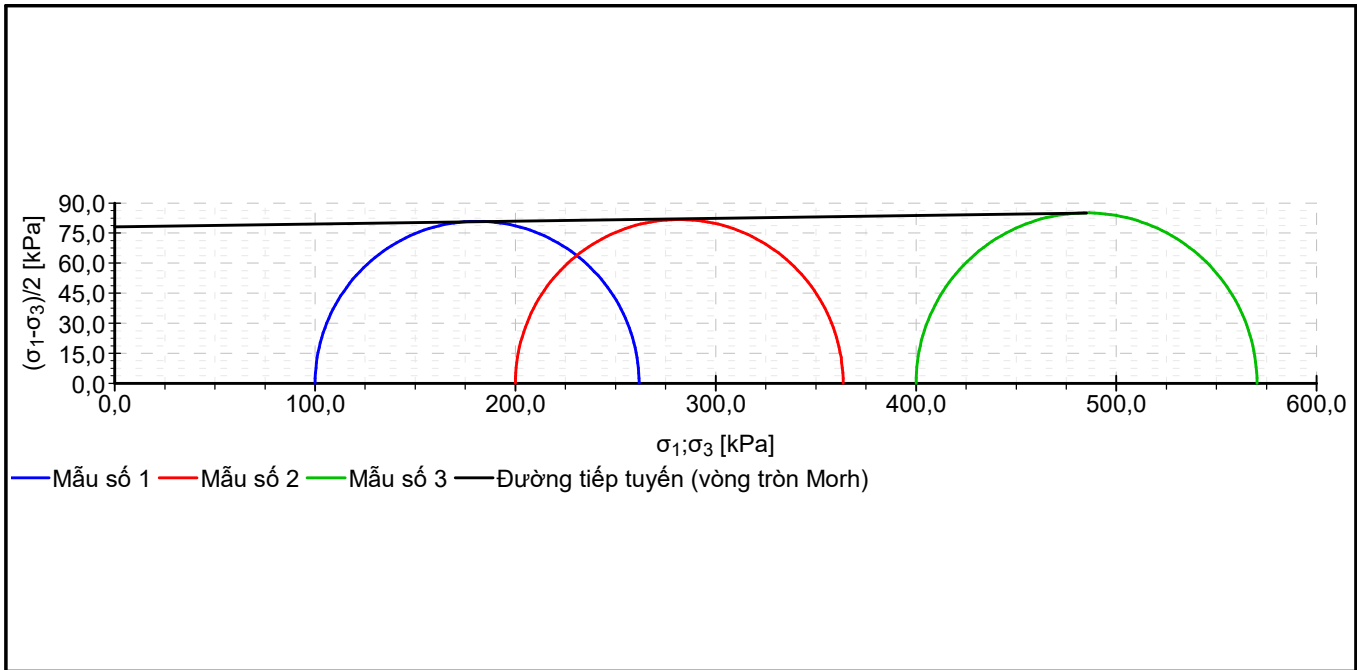
Ghi chú Specimen supplied by customer. Stated moisture content is initial (determined according to EN ISO 17892-01). Tested specimen was undisturbed. Test performed in accordance with EN ISO 17892-07.	
Thẩm tra bởi: Peter Filmer	Ngày thực hiện: 30.09.2022
Con dấu và chữ ký	

	Thí nghiệm nén 3 trục không cố kết không thoát nước (UU)	
	Dự án: Apartment building "Moonlighting" - Survey for building permit	
Tên thí nghiệm: Triax UU		Mã số dự án: 2022/3548
Nhà cung cấp: GEO5 Laboratory Ltd.		
Khách hàng: Survey ABC Ltd.		Được thực hiện bởi: John Young

Mẫu	
Thí nghiệm hiện trường: BH5	Loại mẫu đất: nguyên dạng
Số hiệu mẫu: VA1/1254	Loại địa kỹ thuật: GT2
Độ sâu từ: 7,00 m	Mô tả: Clay with low plasticity, stiff, gray-blue color
Độ sâu tới: 7,80 m	

Mẫu thí nghiệm			
Đánh dấu mẫu thí nghiệm: VA1/1254-6A	Độ sâu: 7,55 m		
	Mẫu số 1	Mẫu số 2	Mẫu số 3
Ngày đo	14.05.2023	15.05.2023	16.05.2023
Đường kính ban đầu d_0 [mm]	38,12	37,88	38,06
Chiều cao ban đầu h_0 [mm]	75,94	76,12	76,22
Diện tích ban đầu A_0 [mm ²]	1141,29	1141,29	1137,70
Thể tích ban đầu V_0 [cm ³]	86,67	85,78	86,72
Độ ẩm trước thí nghiệm w_0 [%]	22,50	22,30	22,60
Độ ẩm sau thí nghiệm w_{fin} [%]	21,70	21,60	21,20
Tốc độ cắt [mm/tối thiểu]	0,750	0,750	0,750

Các giá trị đo được và kết quả



Đánh giá thí nghiệm:	Sức kháng cắt không thoát nước S_u [kPa]
	78,1

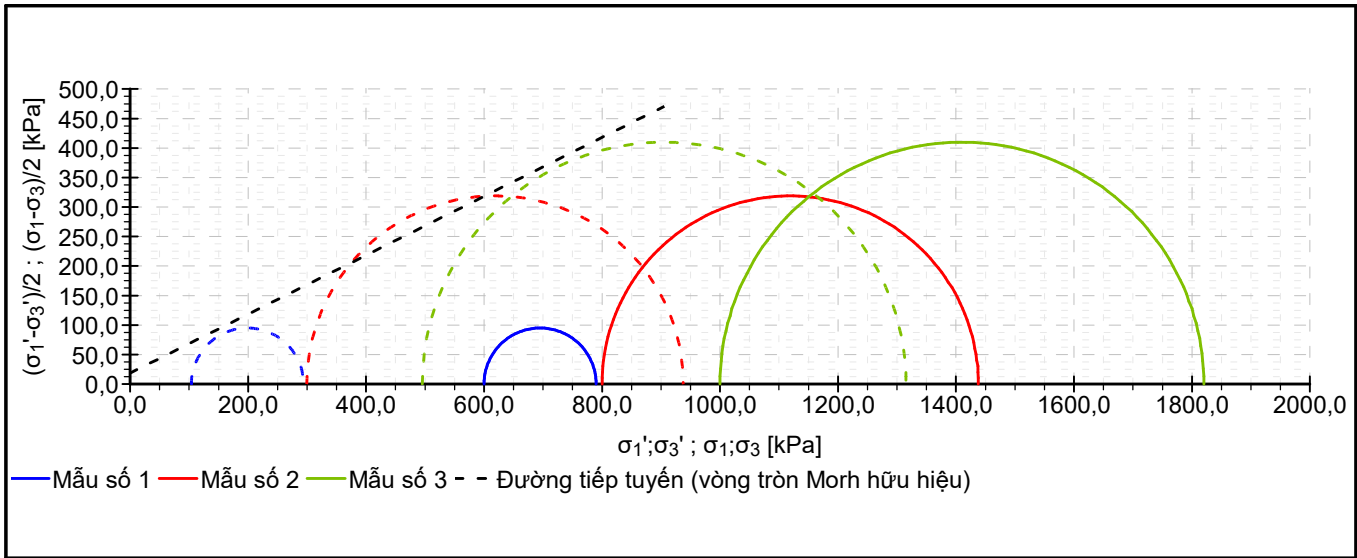
Ghi chú The test was carried out on a specimen supplied by the customer. Undisturbed specimen. Moisture content determined according to EN ISO 17892-01. Test without measurement of pore pressures and volume changes. Initial porosity, saturation and particle density - not measured/not determined. Test performed in accordance with EN ISO 17892-08.		Con dấu và chữ ký
Thẩm tra bởi: Peter Filmer	Ngày thực hiện: 19.06.2023	

	Thí nghiệm nén 3 trục cố kết không thoát nước (CU)	
	Dự án: Apartment building "Moonlighting" - Survey for building permit	
Tên thí nghiệm: Triax CU		Mã số dự án: 2022/3548
Nhà cung cấp: GEO5 Laboratory Ltd.		
Khách hàng: Survey ABC Ltd.		Được thực hiện bởi: John Young

Mẫu	
Thí nghiệm hiện trường: BH5	Loại mẫu đất: nguyên dạng
Số hiệu mẫu: VA1/1254	Loại địa kỹ thuật: GT2
Độ sâu từ: 7,00 m	Mô tả: Clay with low plasticity, stiff, gray-blue color
Độ sâu tới: 7,80 m	

Mẫu thí nghiệm			
Đánh dấu mẫu thí nghiệm: VA1/1254-8c		Độ sâu: 7,70 m	
	Mẫu số 1	Mẫu số 2	Mẫu số 3
Ngày đo	08.05.2023	10.05.2023	06.05.2023
Đường kính ban đầu d_0 [mm]	38,32	37,94	38,36
Chiều cao ban đầu h_0 [mm]	76,88	76,24	76,56
Diện tích ban đầu A_0 [mm ²]	1153,30	1130,54	1155,71
Thể tích ban đầu V_0 [cm ³]	88,67	86,19	88,48
Độ ẩm trước thí nghiệm w_0 [%]	22,45	22,65	22,55
Độ ẩm sau thí nghiệm w_{fin} [%]	21,32	21,24	21,08
Tốc độ cắt [mm/tối thiểu]	0,032	0,032	0,032

Các giá trị đo được và kết quả



Đánh giá thí nghiệm:	Sức kháng cắt không thoát nước (mẫu số 1): $S_{u,1} = 95,0$ kPa	
	Sức kháng cắt không thoát nước (mẫu số 2): $S_{u,2} = 319,0$ kPa	
	Sức kháng cắt không thoát nước (mẫu số 3): $S_{u,3} = 410,0$ kPa	
	Góc ma sát trong φ_{ef} [°]	Dính kết c_{ef} [kPa]
	26,5	18,5

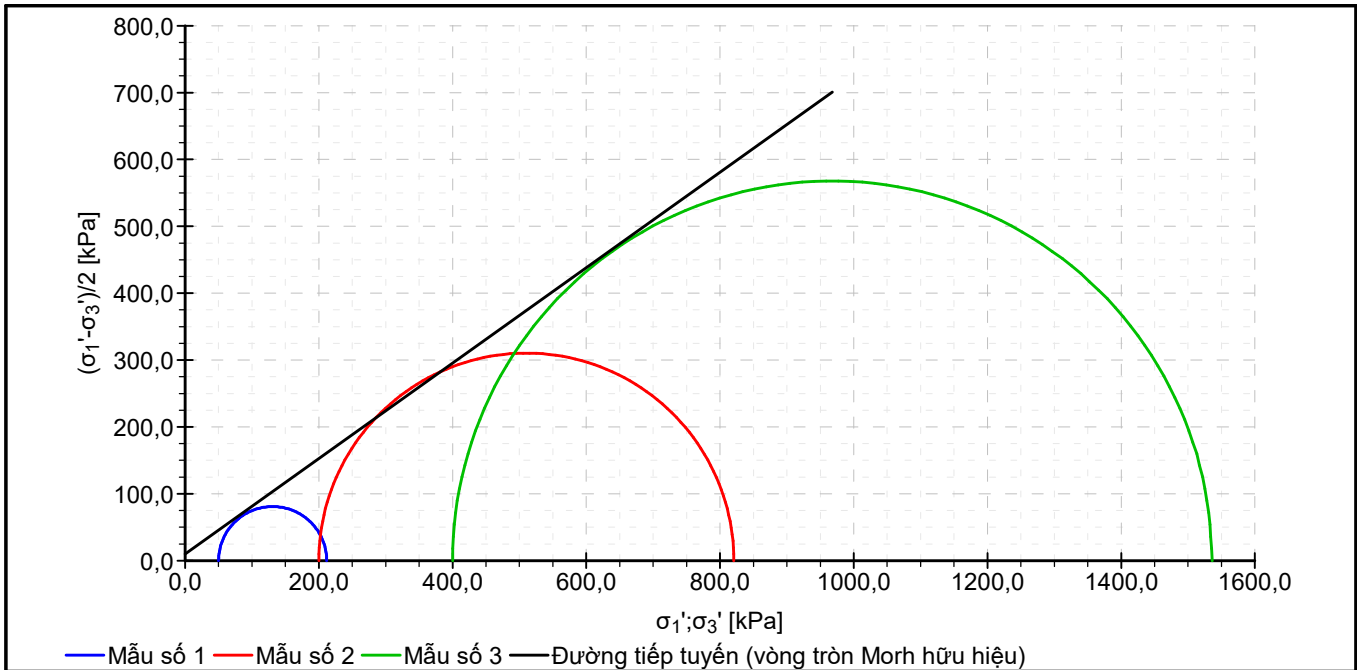
Ghi chú The test was carried out on a specimen supplied by the customer. Undisturbed specimen. Moisture content determined according to EN ISO 17892-01. Test without measurement of pore pressures and volume changes. Initial porosity, saturation and particle density - not measured/not determined. Test performed in accordance with EN ISO 17892-08.	
Thẩm tra bởi: Peter Filmer	Ngày thực hiện: 28.06.2023
Con dấu và chữ ký	

	Thí nghiệm nén 3 trục cố kết thoát nước (CD)	
	Dự án: Apartment building "Moonlighting" - Survey for building permit	
Tên thí nghiệm: Triax CD		Mã số dự án: 2022/3548
Nhà cung cấp: GEO5 Laboratory Ltd.		
Khách hàng: Survey ABC Ltd.		Được thực hiện bởi: John Young

Mẫu	
Thí nghiệm hiện trường: BH4	Loại mẫu đất: không nguyên dạng
Số hiệu mẫu: PV2/B4	Loại địa kỹ thuật: GT4
Độ sâu từ: 10,20 m	Mô tả: Well-grained sand. Yellow-brown color. Aged.
Độ sâu tới: 10,80 m	

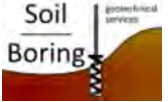
Mẫu thí nghiệm			
Đánh dấu mẫu thí nghiệm: PV2/B4-3A	Độ sâu: 10,30 m		
	Mẫu số 1	Mẫu số 2	Mẫu số 3
Ngày đo	10.09.2023	10.09.2023	10.09.2023
Đường kính ban đầu d_0 [mm]	37,22	37,94	38,08
Chiều cao ban đầu h_0 [mm]	82,84	82,41	80,84
Diện tích ban đầu A_0 [mm ²]	1088,03	1130,54	1138,90
Thể tích ban đầu V_0 [cm ³]	90,13	93,17	92,07
Độ ẩm trước thí nghiệm w_0 [%]	12,90	12,70	12,20
Độ ẩm sau thí nghiệm w_{fin} [%]	14,10	13,85	12,95
Tốc độ cắt [mm/tối thiểu]	0,085	0,085	0,085

Các giá trị đo được và kết quả



Đánh giá thí nghiệm:	Góc ma sát trong φ_{ef} [°]	Dính kết c_{ef} [kPa]
	35,5	9,9

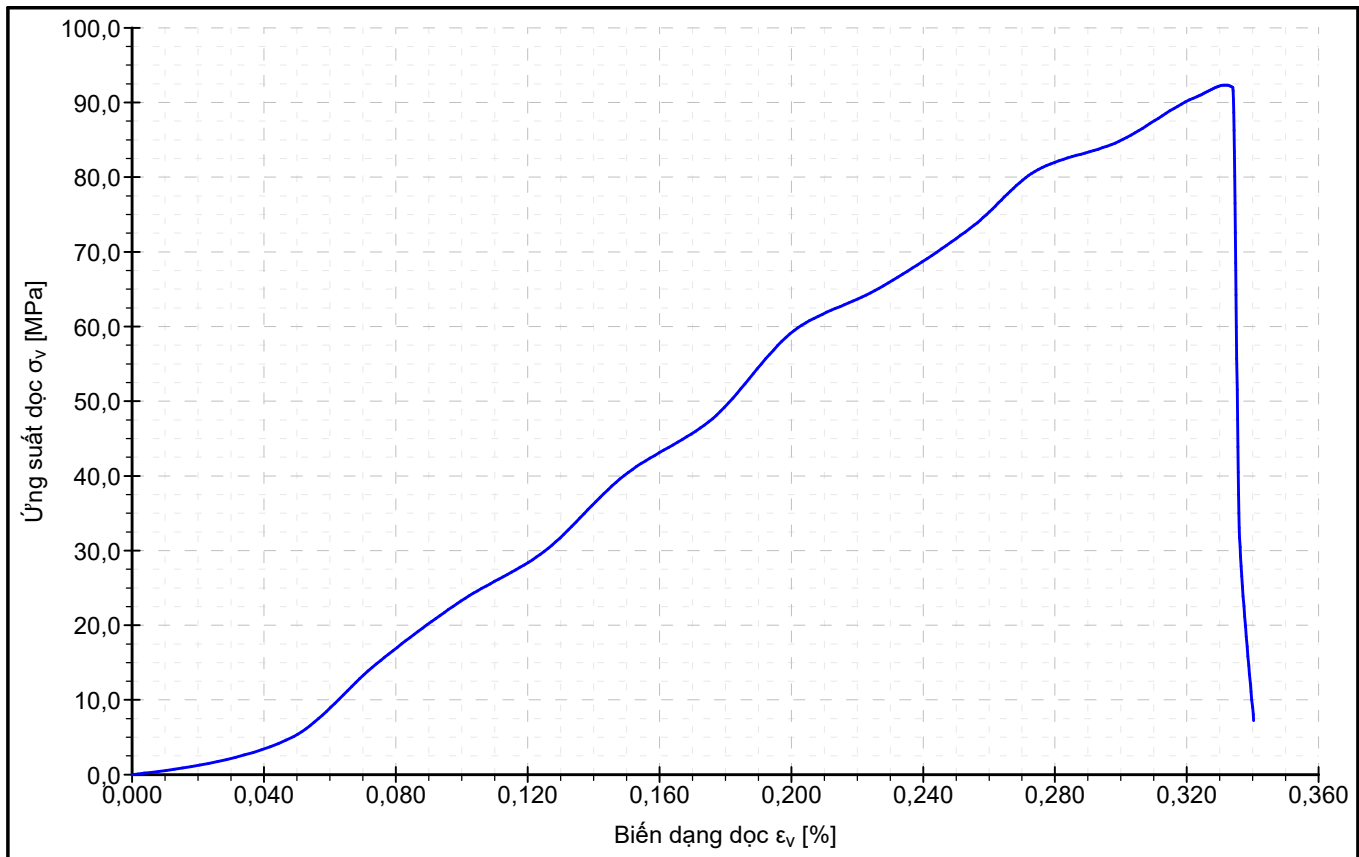
Ghi chú The test was carried out on a specimen supplied by the customer. Disturbed specimen. Moisture content determined according to EN ISO 17892-01. Test performed in accordance with EN ISO 17892-08.	
Thẩm tra bởi: Peter Filmer	Ngày thực hiện: 17.09.2023
Con dấu và chữ ký	

	Thí nghiệm nén một trục (đá)	
	Dự án: Apartment building "Moonlighting" - Survey for building permit	
Tên thí nghiệm: 1D compression (rock)		Mã số dự án: 2022/3548
Nhà cung cấp: GEO5 Laboratory Ltd.		Khách hàng: Survey ABC Ltd.
Ngày đo: 14.06.2022		Được thực hiện bởi: John Young

Mẫu	
Thí nghiệm hiện trường: BH6	Loại mẫu đất: cường độ đá
Số hiệu mẫu: RC2/7	Loại địa kỹ thuật: GT1a
Độ sâu từ: 20,10 m	Mô tả: Granodiorite, slightly weathered.
Độ sâu tới: 20,90 m	

Mẫu thí nghiệm	
Đánh dấu mẫu thí nghiệm: RC2/7-2	Trọng lượng: 401,25 g
Độ sâu: 20,30 m	Độ ẩm: 1,70 %
Chiều cao: 93,15 mm	Tỷ số H/D : 2,1
Đường kính: 44,22 mm	Tỷ trọng riêng: 28,05 kN/m ³

Các giá trị đo được và kết quả



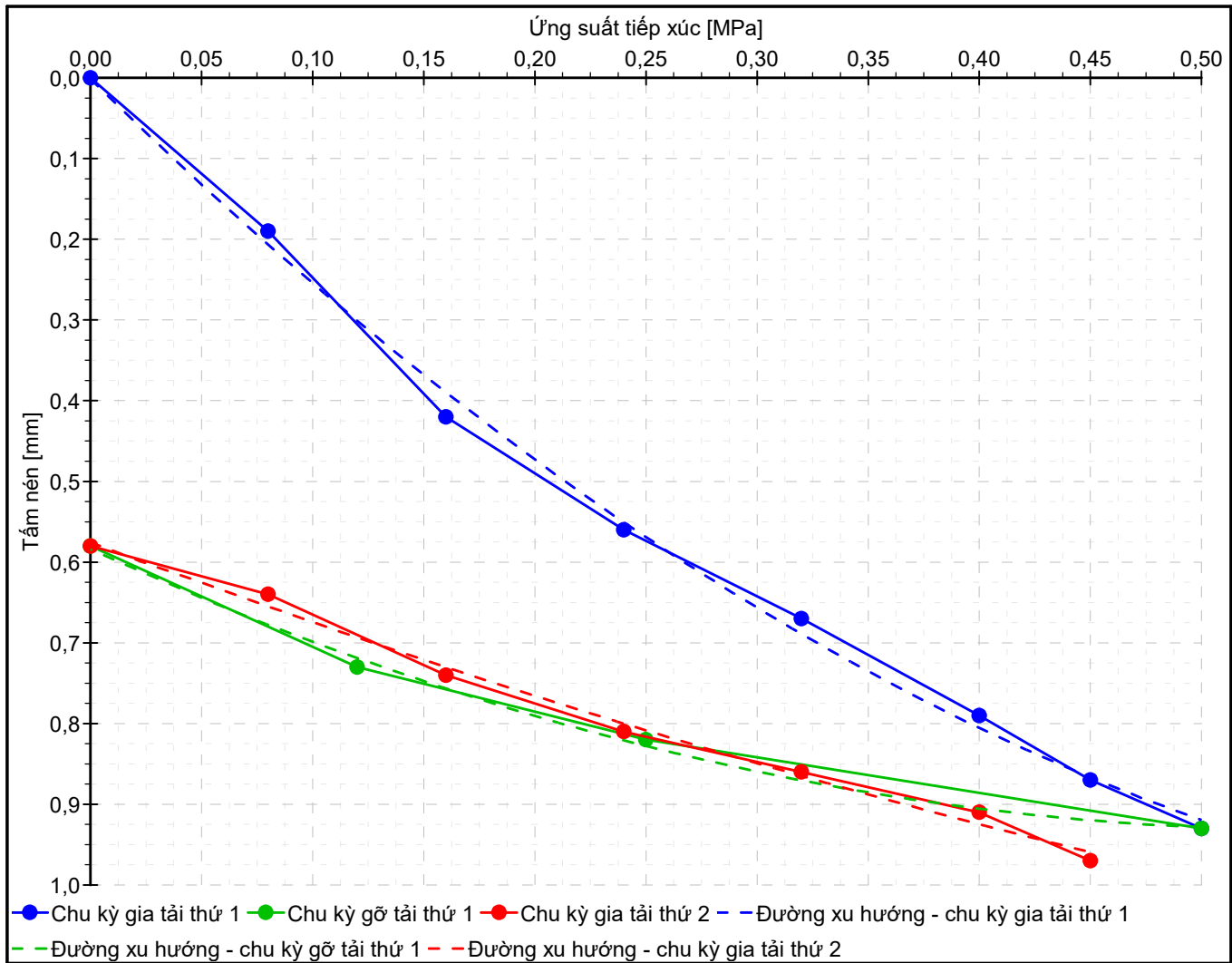
Loại lỗi: Axial cleavage	Tốc độ ứng suất: 0,150 mm/tối thiểu
Cường độ chịu nén: 92,0 MPa	

Ghi chú Specimen delivered by the customer on 13/06/2022. Specimen was prepared and tested according to EN 1926 standard. No leveling mortar was used during testing.	
Thẩm tra bởi: Peter Filmer	Ngày thực hiện: 18.06.2022
Con dấu và chữ ký	

	Thí nghiệm nén tĩnh bản nén hiện trường	
	Dự án: Apartment building "Moonlighting" - Survey for building permit	
Tên thí nghiệm: Plate A - road	Mã số dự án: 2022/3548	
Nhà cung cấp: GEO5 Laboratory Ltd.	Khách hàng: Survey ABC Ltd.	
Ngày đo: 12.07.2022	Được thực hiện bởi: John Young	

Mô tả lớp được thí nghiệm
The test was performed on a road subgrade soil.

Các giá trị đo được và kết quả
Loại thí nghiệm: A (giao thông đường bộ)



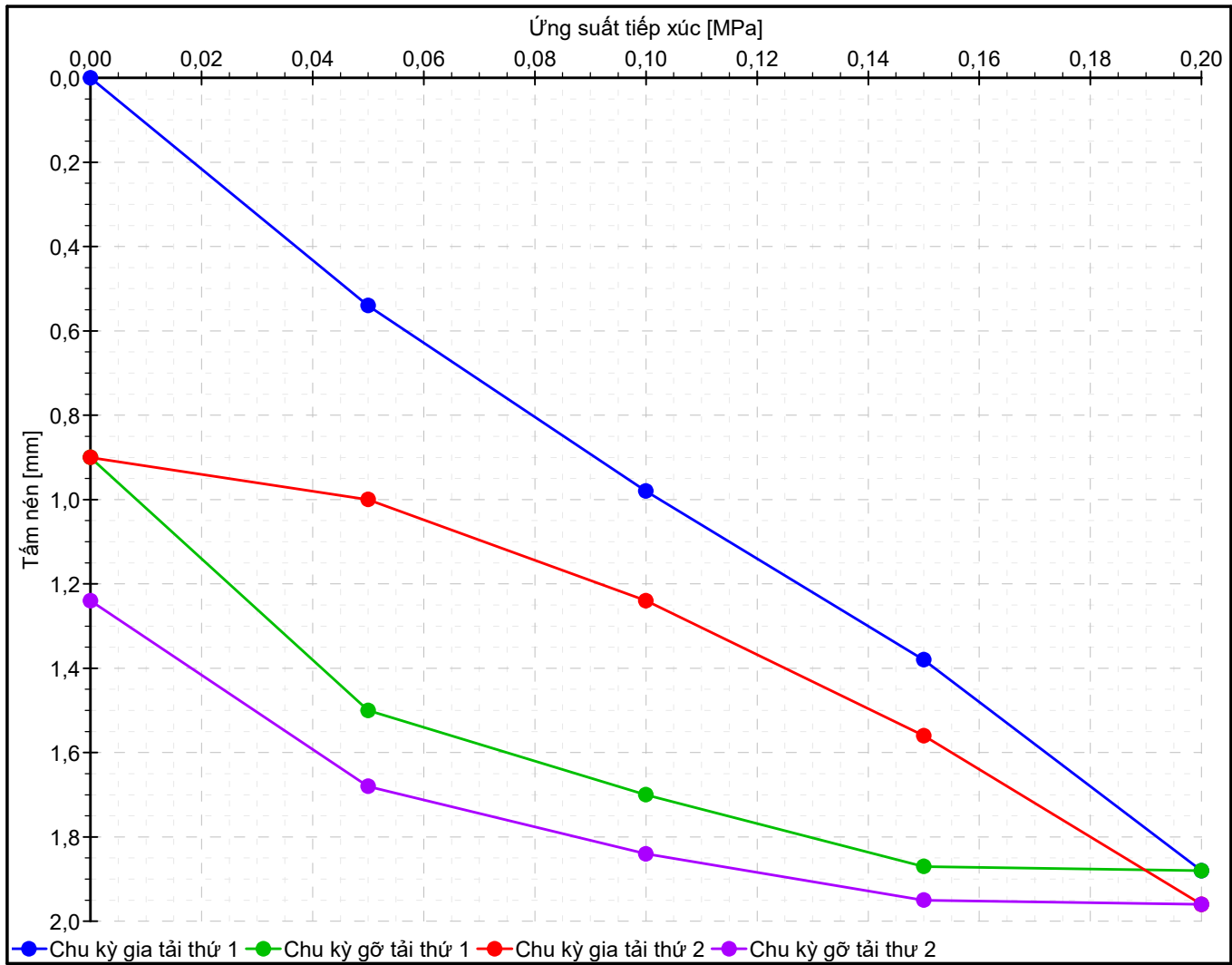
$E_{def,1}$: 122,6 MPa
$E_{def,2}$: 263,5 MPa
$E_{def,2}/E_{def,1}$: 2,15 -

Ghi chú The test was carried out as part of the reconstruction of road I/258 at km 12,850. At the time of the test - partly cloudy, no wind, approx. 25°C. Test performed in accordance with ČSN 721006.	
Thẩm tra bởi: Peter Filmer Ngày thực hiện: 14.07.2022	Con dấu và chữ ký

	Thí nghiệm nén tĩnh bản nén hiện trường	
	Dự án: Apartment building "Moonlighting" - Survey for building permit	
Tên thí nghiệm: Plate B - railroad		Mã số dự án: 2022/3548
Nhà cung cấp: GEO5 Laboratory Ltd.		Khách hàng: Survey ABC Ltd.
Ngày đo: 12.07.2022		Được thực hiện bởi: John Young

Mô tả lớp được thí nghiệm
Railroad subgrade.

Các giá trị đo được và kết quả
Loại thí nghiệm: B (đường sắt)

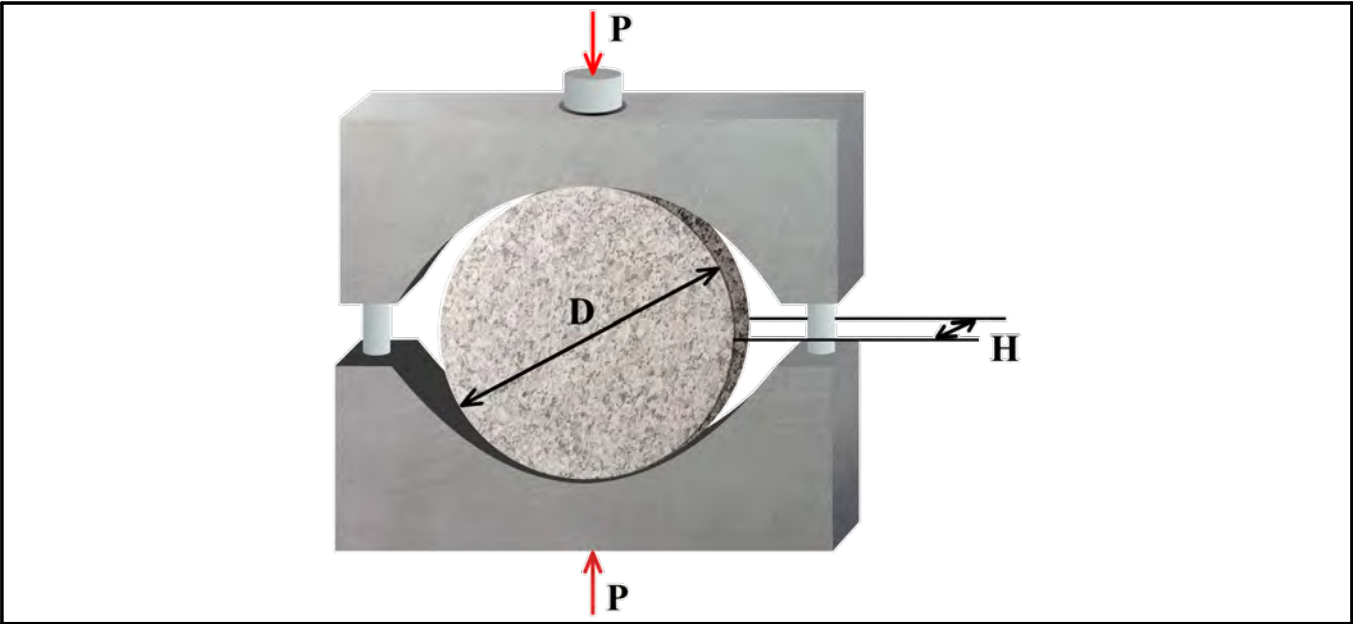


$E_{def,1}$: 23,9 MPa
$E_{def,2}$: 42,5 MPa
$E_{def,2}/E_{def,1}$: 1,78 -

Ghi chú The test was carried out as part of the construction of line 421 (Prague - Kamenice), track number 91. The plate was placed on the left with respect to the track (in the direction of the stationing). At the time of the test - partly cloudy, no wind, approx. 25°C. Test performed in accordance with ČSN 721006.		Con dấu và chữ ký
Thẩm tra bởi: Peter Filmer	Ngày thực hiện: 14.07.2022	

	Kiểm tra độ bền kéo ngang (Kiểm tra của Brazil)	
	Dự án: Apartment building "Moonlighting" - Survey for building permit	
Tên thí nghiệm: Brazilian Test		Mã số dự án: 2022/3548
Nhà cung cấp: GEO5 Laboratory Ltd.		Khách hàng: Survey ABC Ltd.
Ngày đo: 23.02.2024		Được thực hiện bởi: John Young

Mẫu	
Thí nghiệm hiện trường: BH6	Loại mẫu đất: cường độ đá
Số hiệu mẫu: RC2/7	Loại địa kỹ thuật: GT1a
Độ sâu từ: 20,10 m	Mô tả: Granodiorite, slightly weathered.
Độ sâu tới: 20,90 m	

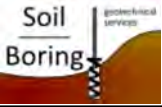


Các giá trị đo được và kết quả

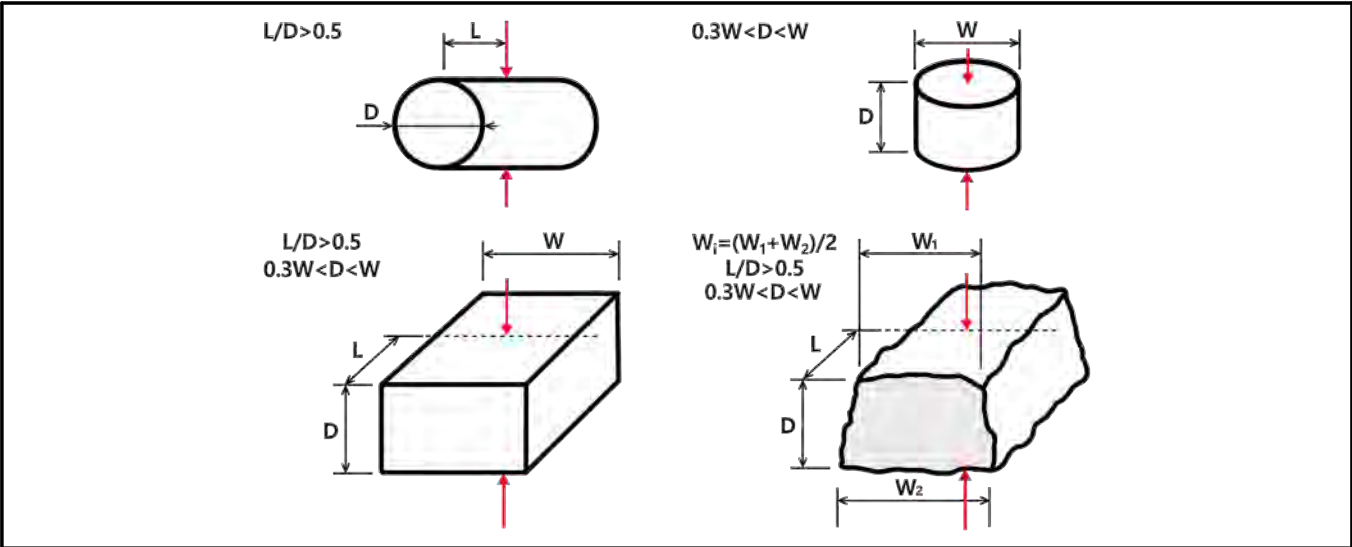
Đánh dấu mẫu thí nghiệm	Đường kính [mm]	Chiều cao [mm]	Tải trọng tối đa [kN]	Độ bền kéo [MPa]	Loại lỗi
RC2/7-1	52,12	25,86	14,0	6,61	Tensile failure
RC2/7-2	52,31	26,81	18,0	8,16	Tensile failure
RC2/7-3	52,16	27,64	21,0	9,26	Tensile failure
RC2/7-5	52,15	26,81	20,1	9,14	Tensile failure
RC2/7-6	52,04	25,84	17,0	8,04	Tensile failure
RC2/7-7	52,13	24,31	22,3	11,19	Tensile failure
RC2/7-8	52,19	26,20	18,5	8,60	Tensile failure
RC2/7-9	52,13	24,16	17,5	8,84	Tensile failure
RC2/7-10	52,16	23,94	20,8	10,59	Tensile failure
RC2/7-11	52,20	23,44	13,4	6,97	Tensile failure

Độ bền kéo trung bình $\sigma_{t,ave}$: 8,74 MPa

Ghi chú Specimen supplied by customer. Test performed in accordance with ISRM (1978) Suggested Methods for Determining Tensile Strength of Rock Materials Part 2: Suggested Method for determining indirect tensile strength by the Brazil Test.	
Thẩm tra bởi: Peter Filmer	Ngày thực hiện: 27.02.2024
Con dấu và chữ ký	

	Kiểm tra bằng tải trọng điểm	
	Dự án: Apartment building "Moonlighting" - Survey for building permit	
Tên thí nghiệm: Point Load		Mã số dự án: 2022/3548
Nhà cung cấp: GEO5 Laboratory Ltd.		Khách hàng: Survey ABC Ltd.
Ngày đo: 27.02.2024		Được thực hiện bởi: John Young

Mẫu	
Thí nghiệm hiện trường: BH6	Loại mẫu đất: cường độ đá
Số hiệu mẫu: RC2/7	Loại địa kỹ thuật: GT1a
Độ sâu từ: 20,10 m	Mô tả: Granodiorite, slightly weathered.
Độ sâu tới: 20,90 m	



Các giá trị đo được và kết quả
Phương pháp thí nghiệm: Thí nghiệm xuyên tâm

Đánh dấu mẫu thí nghiệm	Chiều dài L [mm]	Đường kính D [mm]	Tải trọng tối đa [kN]	Loại lỗi	Cường độ gây ra do tải trọng điểm Is50 [MPa]	Cường độ chịu nén σc [MPa]
RC2/7-1	30,00	51,86	8,9		3,38	79,295
RC2/7-2	33,00	51,87	10,3		3,91	91,768
RC2/7-3	31,00	51,87	9,8		3,71	87,074
RC2/7-4	39,00	51,89	5,2		1,97	46,236
RC2/7-5	37,00	51,88	6,9		2,61	61,257
RC2/7-6	31,00	51,95	12,0		4,54	106,645
RC2/7-7	37,00	51,96	9,8		3,70	86,913
RC2/7-8	39,00	51,88	9,9		3,75	88,012
RC2/7-9	42,00	51,85	6,6		2,50	58,650
RC2/7-10	28,00	51,82	7,1		2,69	63,080

Cường độ gây ra do tải trọng điểm đã hiệu chỉnh trung bình Is50,ave: 3,31 MPa
Cường độ nén trung bình σc,ave: 77,61 MPa

Ghi chú Specimen supplied by customer. Test performed in accordance with ISRM (1985): Suggested method for determining point load strength.		Con dấu và chữ ký
Thẩm tra bởi: Peter Filmer	Ngày thực hiện: 28.02.2024	